

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/04/2021.

V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Thông.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Tuấn Thảo Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 497/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích V, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: 275/14 đường E, Phường G, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Tống Phước Q, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: 571/24 đường C, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2020 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Bích V trình bày:

Bà và ông Tống Phước Q tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 188, quyền số 01/2005 do Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/11/2005.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng từ cuối năm 2012 ông Tống Phước Q có người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ, bất đồng ý kiến. Năm 2014, bà và ông Q đã ly thân để suy nghĩ lại. Sau đó, vì con cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm và tiếp tục chung sống đến nay. Tuy nhiên, trong thời gian hàn gắn tình cảm, ông Q vẫn có tình cảm bên ngoài, không chu toàn trách nhiệm là người chồng, người cha. Bà cũng đã nhiều lần khuyên và tha thứ, mong muốn giữ mái ấm cho con nhưng ông Q không muốn thay đổi, muốn cuộc sống được tự do không bị ràng buộc. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, để ổn định cuộc sống bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Tống Nguyên K sinh ngày 23/03/2009 và Tống Nguyên K1 sinh ngày 07/04/2014. Bà V yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi hai con là 10.000.000 đồng/tháng (mỗi con 5.000.000 đồng).

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng khác cho ông Q và tiến hành triệu tập ông Q đến Tòa để làm bản khai, tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải nhưng ông Q đều vắng mặt không có lý do và không có bất kỳ ý kiến nào gửi cho Tòa án về việc bà V xin ly hôn.

Tại phiên tòa,

Bà V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên về phần cấp dưỡng nuôi con bà có ý kiến: bà và ông Q tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày: Cuộc sống hôn nhân đúng như lời trình bày của bà V, ông thừa nhận ông có tình cảm với người khác bên ngoài nhưng đã chấm dứt. Mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do ông sống cùng gia đình bên vợ không được thoải mái về tâm lý. Sau khi vợ chồng ly thân, ông dọn về nhà cha mẹ ở, cuộc sống và tâm lý của ông tốt hơn, kể cả tình cảm hay việc dạy dỗ các con cũng thay đổi tích cực. Tuy nhiên, cuộc hôn nhân giữa ông và bà V nếu thực sự quay lại với nhau thì cũng sẽ lặp lại tình trạng cũ nên ông muốn giữ cuộc sống như hiện nay, không nhất thiết phải sống chung thì cuộc sống, con cái sẽ tốt đẹp hơn. Về con chung ông đồng ý giao hai con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên kiến nghị Tòa án chậm đưa vụ án ra xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Về nội dung: Cuộc sống hôn nhân của bà V và ông Q mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng cũng không còn, trách nhiệm và sự quan tâm lẫn nhau không có. Do vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V. Hai bên thỏa thuận giao hai con chung cho bà V nuôi dưỡng và các đương sự tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bích V yêu cầu ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ông Tống Phước Q cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 188, quyển số 01/2005 do UBND Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/11/2005, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Bích V và ông Tống Phước Q là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Xét, yêu cầu xin ly hôn của bà V: Bà V trình bày vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn trầm trọng xuất phát từ việc ông Q có quan hệ với người phụ nữ khác, ông Q không còn quan tâm và có trách nhiệm với vợ con, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Q đến Tòa để hòa giải nhằm gắn kết mối quan hệ vợ chồng nhưng ông không đến, cũng không có bất kỳ ý kiến nào đối với yêu cầu xin ly hôn của bà V. Tại phiên tòa, ông không đưa ra ý kiến đồng ý hay không đồng ý ly hôn nhưng đưa ra rất nhiều lý do về cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà V có sự mâu thuẫn, không thể hàn gắn và thay đổi mối quan hệ hôn nhân, hơn nữa thêm mâu thuẫn với gia đình bên vợ khi ông ở rể. Ông cũng cho rằng cuộc sống như bây giờ khiến ông có tâm lý tốt hơn và không muốn thay đổi môi trường sống hiện nay. Như vậy, thấy rằng ông Q cũng không thực sự muốn hàn gắn và duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà V.

Mục đích của việc xác lập hôn nhân là nhằm gắn bó quan hệ giữa người nam và người nữ trong quan hệ vợ chồng, để họ chung sống với nhau và xây

dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Xét thấy quan hệ vợ chồng không còn, trách nhiệm giữa đôi bên với nhau không có nên tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nếu tiếp tục chung sống thì không những không đem lại niềm vui, hạnh phúc mà còn đem lại sự đau khổ cho đôi bên, tình trạng đó ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc và giáo dục con cái. Do vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Tổng Nguyên K sinh ngày 23/03/2009 và Tổng Nguyên K1 sinh ngày 07/04/2014 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà V là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bích V được ly hôn với ông Tổng Phước Q.

- Về con chung: Giao 02 con chung Tổng Nguyên K sinh ngày 23/03/2009 và Tổng Nguyên K1 sinh ngày 07/04/2014 cho bà Trần Thị Bích V trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà V chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0049659 ngày 21/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- UBND Phường 15, Quận 10
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Lan